

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2019
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Nghiêm
2. Ông Phan Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Mộng T**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ (*Có mặt*)

- Bị đơn: Ông **Trần Thanh Trọng**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ (*Có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trần Thị Mộng T trình bày: Vào năm 1997, bà và ông Trần Thanh T do mai mối, sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C vào ngày 11/3/1998.

Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất hòa nhau trong tình cảm, nên thường xuyên cãi vã nhau, bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: ông bà có 02 con tên Trần Bội T1 (nữ), sinh ngày 25/9/1988 và Trần Bội T2 (nữ), sinh ngày 20/12/2003. Bội T1 hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Về cháu Bội T2 hiện nay ông T đang nuôi dưỡng nên ly hôn bà đồng ý giao Bội T2 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 25/7/2019, bị đơn ông Trần Thanh T trình bày: Bà Trần Thị Mộng T và ông do mai mối nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn năm 1998 tại Ủy ban nhân dân phường C. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay bất hòa về tình cảm và về vấn đề kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi vã nhau và bà T hay bỏ nhà đi. Xét thấy không thể hàn gắn tình cảm nên ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: ông bà có 02 con tên Trần Bội T1 (nữ), sinh ngày 25/9/1988 và Trần Bội T2 (nữ), sinh ngày 20/12/2003. Bội T1 đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bội T2 đến trưởng thành, và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn ông Trần Thanh T để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông T có đơn xin vắng mặt (Đơn xin vắng mặt đề ngày 25/7/2019). Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, và có trình bày thêm về mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất hòa nhau

trong quan hệ tình cảm vợ chồng, năm 2016 ông T uống rượu và đánh bà đuổi bà ra khỏi nhà, sau đó vợ chồng có hàn gắn lại nhưng đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng và bà về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay.

- Về phía bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị Mộng T và ông Trần Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên bà T khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trọng theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 1998, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất hòa nhau trong quan hệ tình cảm vợ chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, năm 2016 ông T uống rượu và đánh bà đuổi bà ra khỏi nhà, sau đó vợ chồng có hàn gắn lại nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và bà về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 4/2019 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về phía ông T, ông T mặc dù vắng mặt nhưng trong Bản tự khai ngày 25/7/2019 ông thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay bất hòa về tình cảm và về kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi nhau, nay vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên ông đồng ý ly hôn.

Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: ông bà có 02 con tên Trần Bội T1 (nữ), sinh ngày 25/9/1988 và Trần Bội T2 (nữ), sinh ngày 20/12/2003.

Hiện nay Bội T1 đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Bội T2 hiện nay đang sống với ông T, khi ly hôn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Bội T2 đến trưởng thành, bà T đồng ý; đồng thời, cháu Bội T2 có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện ông T đang nuôi dưỡng cháu Bội T2, ông T có đảm bảo cho các cháu các điều kiện về sinh hoạt và học tập cũng như đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về mọi mặt của trẻ nên cần ổn định cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bội T2 đến trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Mặc dù bà T không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho bà T quyền được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở bà T thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong bản tự khai của bà T và ông T đều trình bày là không có. Tuy nhiên, do tại phiên tòa vắng mặt ông T nên tách phần tài sản chung, nợ chung ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp và các bên đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng Tuyền.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mộng T được ly hôn với ông Trần Thanh T.

- Về con chung: Trần Bội T1 (nữ), sinh ngày 25/9/1988 đã trưởng thành. Giao cháu Trần Bội T2 (nữ), sinh ngày 20/12/2003 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà T không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do vắng mặt bị đơn nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp và các bên đương sự có yêu cầu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Mộng T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 000187 ngày 02/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí (công nhận bà T đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Thị Liên